TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2021/DS-PT
Ngày: 20-12-2021.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyền; bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 03 tháng 02, 13 và 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 340/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Tiết G, sinh năm 1958, cư trú tại: Tổ 10, ấp SN, xã AN, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Tiết G: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985, cư trú tại: Khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, theo Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 12-01-2021. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lý Thanh S, sinh năm 1966, cư trú tại: Đường TC, khu phố NĐ, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Thanh S: Chị Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1990, cư trú tại: Đường Số 4, khu phố 6, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Thanh S: Luật sư Vũ Đức D, của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn MT, thuộc Đoàn Luật sư Thành

phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lý Thị Ngọc S1, sinh năm 1950, cư trú tại: Tổ 15, ấp SN, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Lý Thị Ngọc A, sinh năm 1956, cư trú tại: Tổ 7, ấp AL, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Ông Lý Thành M, sinh năm 1963, cư trú tại: Đường TC, khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Lý Thị Kim X, sinh năm 1964, cư trú tại: Tổ 9, ấp NH, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Ngọc A, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Kim X: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985, cư trú tại: Khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, theo Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 12-01-2021 và Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 19-01-2021.

+ Anh Lý Văn T, sinh năm 1972; chị Lý Thị Kim Q, sinh năm 1977; anh Lý Quốc T1, sinh năm 1982; anh Lý Quốc D, sinh năm 1982; chị Lý Thị Ngọc K, sinh năm 1986; chị Lý Thị Ngọc K1, sinh năm 1990; anh Lý Châu K2, sinh năm 1992; chị Lý Thị Kim K3, sinh năm 1996. Cùng cư trú tại: Ấp SN, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Chị Lý Thị Ngọc K4, sinh năm 1988, cư trú tại: Ấp NP, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Chị Lý Thị Ngọc H, sinh năm 1979; bà Trịnh Thị N, sinh năm 1951. Cùng cư trú tại: Ấp 4, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Anh Bùi Hữu P, sinh 1970, cư trú tại: Khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, cư trú tại: Ấp SN, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Bà Đặng Thị Thu T2, sinh năm 1966; anh Lý Thanh N1, sinh năm 1990; anh Lý Thanh T2, sinh năm 1992; chị Lý Thanh T3, sinh năm 1994. Cùng cư trú tại: Đường TC, khu phố NĐ, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (bà T2 vắng mặt, có ủy quyền; anh N1, anh T2 có mặt; chị T3 yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Thu T2: Chị Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1990, cư trú tại: Đường Số 4, khu phố 6, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:*

+ Ông Lý Tiết G là nguyên đơn.

+ Ông Lý Thanh S là bị đơn.

+ Ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lý Tiết G và người đại diện theo ủy quyền là anh Phạm Văn T trình bày:

Cha mẹ của ông Lý Tiết G là cụ Lý Văn R, chết năm 1980; cụ Huỳnh Thị H1chết năm 1986. Hai cụ có 10 người con, trong đó có người con cả chết lúc nhỏ không có khai sinh, còn lại 09 người, gồm:

Ông Lý Văn N2, đã chết vào năm 2010, vợ đã chết, có 04 người con, gồm: Anh Lý Văn T, chị Lý Thị Kim Q, anh Lý Quốc T1, anh Lý Quốc D.

Ông Lý Văn N3, đã chết vào năm 2016, có 02 người vợ là bà Trịnh Thị N, bà Nguyễn Thị T và 06 người con, gồm: Chị Lý Thị Ngọc K, chị Lý Thị Ngọc K4, chị Lý Thị Ngọc K1, anh Lý Châu K2, chị Lý Thị Kim K3, chị Lý Thị Ngọc H.

Bà Lý Thị Phù D, đã chết vào năm 1972, có con là Bùi Hữu P.

Bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Ngọc A, ông Lý Tiết G, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Kim X, ông Lý Thanh S.

Cụ R và cụ H1 không có con riêng, con nuôi nào khác. Khi còn sống hai cụ có phân chia đất cho các con, cụ thể là: Ông G, ông N2, ông N3, bà A, ông M, bà S1, bà X mỗi người 01 ha đất ruộng ở ấp SN, xã HĐ, huyện CT; ông S là con trai út, sống chung với cha mẹ nên được chia 02 ha đất ruộng ở xã BN, huyện DMC; riêng bà D đã chết, hai cụ không chia.

Khi hai cụ chết, tài sản để lại gồm có 06 ha đất trồng cao su, tọa lạc tại: Ấp Ninh Phú (nay là ấp NH), xã BN, huyện DMC; đất ở ngang 25m, dài 30m, tọa lạc tại: Khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, trên đất có 01 nhà ngói của cha mẹ để lại, sau này ông S xây lại nhà tường và ở cho đến nay. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Sau khi cha mẹ chết, bà A quản lý 06 ha cao su, khai thác lấy tiền lo cho các anh em và để cúng giỗ cha mẹ, nhà và đất cất nhà thì ông S ở và quản lý.

Đến năm 1997 thanh lý cây cao su, anh chị em họp lại chia mỗi người 20.000.000 đồng, nhưng chỉ lấy 18.000.000 đồng, mỗi người còn lại 2.000.000 đồng cùng giao cho ông S để mua cao su giống trồng lại. Việc chia tiền thanh lý cây cao su, hùn vốn trồng cây cao su không có giấy tờ gì và chỉ có anh chị em trong gia đình biết.

Ông S quản lý đất, tự ý đi kê khai đăng ký, anh chị em trong gia đình không ai biết, cao su ông S tự trồng, tự khai thác không chia cho các anh chị em.

Năm 2017 gia đình có người bệnh nặng, yêu cầu ông S giúp đỡ nhưng ông S không giúp, gia đình phát hiện ông S kê khai đăng ký đất và đã được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01281QSDĐ/468/QĐ-UB(H) ngày 03-8-1999, diện tích 81.585 m^2.

Vì vậy, ông G khởi kiện yêu cầu chia thừa kế 06 ha đất cao su, do cha mẹ không có di chúc nên yêu cầu chia theo pháp luật, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S nhưng do trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S có cả 02 ha đất ruộng mà ông S được cha mẹ phân chia nên đã rút yêu cầu này, chỉ yêu cầu chia 06 ha đất cao su cho các đồng thừa kế, trong đó có ông G, yêu cầu chia theo hiện vật, đo đạc thực tế bao nhiêu thì chia đều bấy nhiêu.

Riêng phần đất ở không tranh chấp trong vụ án này.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Thanh S và người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Kiều A trình bày:

Ông S là con trai của cụ R và cụ H1, thống nhất về người thừa kế, về nguồn gốc, diện tích, vị trí phần đất ông G khởi kiện yêu cầu chia là của cụ R và cụ H1 tạo lập, khi hai cụ còn sống đã chia cho các anh chị em mỗi người 01 ha đất ruộng, phần ông S được 02 ha đất ruộng (sau này đi đăng ký và đo đạc lại là 1,8 ha) và 06 ha đất cao su.

Vào ngày 12-3-1997, các anh chị em của ông S có làm "Tờ ủy quyền thừa kế ruộng đất phụ ấm cho út Sơn làm chủ chính thức" và "Đơn thừa kế sử dụng ruộng đất rẫy" các anh chị em đồng thừa kế ký tên 02 văn bản này và giao cho vợ chồng ông S giữ, trong Tờ ủy quyền còn ghi rõ việc chia tiền thanh lý cao su mỗi người 18.000.000 đồng, nhận đủ, không có việc mỗi người hùn 2.000.00 đồng cho ông S trồng cao su.

Sau khi anh chị em ký 02 văn bản nêu trên, ông S đi kê khai đăng ký đất, đến năm 1999 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01281QSDĐ/468/QĐ-UB(H), ông S đứng tên. Ông S sử dụng đất từ năm 1997 đến nay, trồng và khai thác cao su không ai tranh chấp, là tài sản của ông S, không còn là di sản. Không chấp nhận chia thừa kế theo yêu cầu của Ông G.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu T2 do chị Nguyễn Thị Kiều A đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà T2 là vợ ông Lý Thanh S, thống nhất theo ý kiến của ông S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Anh Lý Thanh N1, anh Lý Thanh T2, chị Lý Thanh T3: Là con sống chung nhà với ông Lý Thanh S, yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày là thống nhất theo ý kiến ông S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Ngọc A trình bày:

Bà là con gái của cụ R và cụ H1, bà thống nhất về quan hệ nhân thân, về tài sản cha mẹ đã phân chia khi còn sống và về di sản cha mẹ chết để lại, bà thống nhất theo ý kiến của ông G.

Khi cha mẹ chia đất không làm giấy tờ, chỉ ranh cho từng người, của ai người đó đăng ký. Riêng 06 ha đất cao su ông S đang quản lý, khi còn sống cha mẹ trồng cao su, bà cùng ông S, ông M, bà X sống chung nhà với cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết, bà quản lý đất và khai thác cao su để lo cho gia đình và cúng

giỗ, không chia cho ai vì tiền thu hoạch rất ít. Đến năm 1997 thanh lý cây cao su, anh chị em họp lại chia mỗi người 20.000.000 đồng, nhưng chỉ lấy 18.000.000 đồng, mỗi người còn lại 2.000.000 đồng giao cho ông S để mua giống cao su trồng lại, việc thỏa thuận chia tiền thanh lý cây cao su có làm giấy tay.

Năm 1997 bà về xã AC, huyện CT sinh sống nên tài sản giao hết cho ông S quản lý, lo cúng giỗ, khi giao tài sản không có làm giấy tờ gì. Đất ông S đã kê khai đăng ký nhưng không biết vào năm nào, diện tích hơn 08 ha. Từ lúc ông S quản lý đất, trồng và khai thác cao su không có ai tranh chấp hay ngăn cản, tranh chấp phát sinh từ năm 2017 vì ông S không giúp đỡ anh chị em trong gia đình. Bà yêu cầu chia đất cho các anh chị em để giữ kỷ niệm của cha mẹ.

Ông G yêu cầu chia thừa kế phần đất cao su, qua đo đạc thực tế là 67.939,13 m^2 bà thống nhất, yêu cầu chia bằng hiện vật. Riêng phần đất ở có nhà thờ cha mẹ, ông S đang quản lý bà không tranh chấp, không yêu cầu chia.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Ngọc S1 trình bày:*

Bà là con gái của Cụ R, cụ H1, bà thống nhất theo ý kiến của bà A, chỉ yêu cầu chia thừa kế đất cao su, chia bằng hiện vật, riêng phần đất ở có nhà thờ cha mẹ, ông S đang ở, bà chưa tranh chấp, không yêu cầu chia trong vụ án này, nếu có sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Kim X trình bày:* Bà là con gái của cụ R, cụ H1, bà thống nhất theo ý kiến của bà S1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Thành M trình bày:* Ông là con trai cụ của cụ R, cụ H1, ông thống nhất theo ý kiến của bà S1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Ngọc H trình bày:* Chị là cháu nội của cụ R, cụ H1, là con của ông Lý Văn N3 và bà Trịnh Thị N, chị thống nhất ý kiến của ông Lý Tiết G về mối quan hệ huyết thống, về di sản thừa kế của ông bà nội để lại, do cha chị đã chết, nếu Tòa án quyết định đây là di sản mà cha chị được chia theo pháp luật thì chị yêu cầu được hưởng phần của chị trong tài sản mà cha chị được chia.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N:* Là mẹ của chị Lý Thị Ngọc H, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không có ý kiến gì, không yêu cầu gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Ngọc K4 trình bày:*

Chị là cháu nội của cụ R, cụ H1, là con của ông Lý Văn N3 và bà Nguyễn Thị T, là chị em cùng cha khác mẹ với chị Lý Thị Ngọc H, chị thống nhất lời trình bày của ông Lý Tiết G về mối quan hệ huyết thống.

Chị không biết ông bà nội có tài sản gì nhưng trước khi cha chị chết có nói cho các con biết là: *"Trước đó các cô chú có chia tiền thanh lý cây cao su mỗi gia đình là 18.000.000 đồng, tất cả các cô chú có làm giấy tay chia tiền và giao đất cho ông S quản lý để thờ cúng ông bà"*. Ngoài ra có chia tài sản gì nữa hay không thì chị không biết, việc tranh chấp đất giữa các cô, các chú là do người lớn tự giải quyết với nhau, chị không tranh chấp, không yêu cầu gì, nếu phải chia thừa kế thì phần di sản được chia chị không nhận mà nhường cho ông S.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Chị Lý Thị Kim K3, anh Anh Lý Châu K2, chị Lý Thị Ngọc K1, chị Lý Thị Ngọc K:* Là anh chị em ruột của chị Lý Thị Ngọc K4, thống nhất theo ý kiến của chị K4.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà là vợ của ông Lý Văn N3, ông N3 chết vào ngày 21-7-2016, bà và ông N3 chung sống từ năm 1982, không đăng ký kết hôn, có 05 người con chung, gồm: Lý Thị Ngọc K4, Lý Thị Kim K3, Lý Châu K2, Lý Thị Ngọc K1, Lý Thị Ngọc K. Trước khi sống chung với bà thì ông N3 sống chung với bà Trịnh Thị N, bà N đã bỏ đi từ mấy năm trước đó cho đến nay.

Bà thống nhất với ông Lý Tiết G về mối quan hệ gia đình, về tài sản của cha mẹ chồng để lại, bà không biết có tài sản gì nhưng khi ông N3 còn sống có nói cho bà biết là gia đình bên chồng chia tiền thanh lý cây cao su mỗi gia đình là 18.000.000 đồng, giao cho ông S 2.000.000 đồng để trồng cao su mới. Ngoài ra có chia tài sản gì nữa hay không thì bà không biết, việc tranh chấp đất giữa các anh chị em của ông G, ông S tự giải quyết với nhau, bà không tranh chấp, không yêu cầu chia tài sản gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Hữu P Trình bày:*

Anh là cháu ngoại của cụ R, cụ H1, là con duy nhất của bà Lý Thị Phù D, bà D đã chết vào năm 1972, anh yêu cầu chia thừa kế của cụ R và cụ H1 cho anh hưởng phần của mẹ anh được chia.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Anh Lý Văn T, chị Lý Thị Kim Q, anh Lý Quốc T1, anh Lý Quốc D trình bày giống nhau:* Các anh, chị là con của ông Lý Văn N2, thống nhất với ông Lý Tiết G về mối quan hệ gia đình, về tài sản do ông bà để lại thì các anh chị không biết có tài sản gì nhưng trước khi ông N2 chết có nói là các cô chú đã chia tiền thanh lý cây cao su mỗi gia đình là 18.000.000 đồng, có làm giấy tay chia tiền và giao đất cho ông S quản lý để thờ cúng ông bà, việc tranh chấp thừa kế giữa các cô các chú là do người lớn tự giải quyết với nhau, các anh chị không tranh chấp, không yêu cầu chia, nếu được chia theo pháp luật thì xin nhường cho ông S hưởng.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lý Thanh S cung cấp 02 tài liệu:*

+ Một là *"Tờ ủy quyền thừa kế ruộng đất phụ ấm cho Út Sơn làm chủ chính thức"*, do ông Lý Văn N3 viết tay, ghi ngày 12-3-1997. Có các chữ ký mang tên: Lý Văn N2, Lý Văn N3, Lý Thị Ngọc S1, Lý Thị Ngọc A, Lý Tiết G, Lý Thành M, Lý Thị Kim L, Bùi Hữu P (các đương sự đã thống nhất xác định Lý Thị Kim L là họ tên của bà Lý Thị Kim X).

+ Hai là *"Đơn thừa kế sử dụng ruộng, đất rẫy"*, đánh máy cùng ngày 12-3-1997, có các chữ ký mang tên: Lý Văn N2, Lý Văn N3, Lý Thị Ngọc S1, Lý Thị Kim A, Lý Tiết G, Lý Thành M, Lý Thị Kim X; có xác nhận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NT, huyện HT.

Người thừa kế của ông Lý Văn N3, ông Lý Văn N2 xác định đúng chữ ký của cha mình, không tranh chấp, anh Bùi Hữu P xác định đúng là chữ ký của mình. Riêng ông Lý Tiết G, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim A, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Kim X xác định không phải do mình ký ra.

+ Kết luận giám định số: 4224/KL-KTHS ngày 26-9-2019 của Phân viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận:

Chữ ký ông M, bà A, bà X, bà S1 trong *"Đơn thừa kế sử dụng ruộng, đất rẫy"*so với chữ ký của họ dùng làm mẫu so sánh giám định là do cùng một người ký ra.

Chữ ký ông G trong *"Đơn thừa kế sử dụng ruộng, đất rẫy"* không đủ cơ sở giám định.

"Tờ ủy quyền thừa kế ruộng đất phụ ấm cho Út Sơn làm chủ chính thức" là bản pho to không giám định được.

Sau đó ông S nộp bản chính *"Tờ ủy quyền thừa kế ruộng đất phụ ấm cho Út Sơn làm chủ chính thức",* Tòa án tiếp tục trưng cầu giám định, Kết Luận Giám định số: 1078/KL-KTHS ngày 07-8-2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Tây Ninh, kết luận:

Chữ ký của Lý Ngọc Sương, Lý Thị Kim A (NA), Lý Thành M, Lý Thị Kim X trong 02 tài liệu nêu trên so với chữ ký của họ dùng làm mẫu so sánh giám định là do cùng một người ký ra.

Riêng chữ ký mang tên Lý Tiết G trong 02 tài liệu nêu trên không đủ cơ sở kết luận.

Các bên đương sự không yêu cầu giám định tiếp theo.

- Tài sản tranh chấp qua đo đạc, định giá xác định được:

Đất có diện tích 67.939,13 m^2, giá trị 7.541.243.430 đồng (111.000 đồng/m^2), tài sản trên đất là 3.478 cây cao su của ông S trồng từ năm 1997, giá trị 521.700.000 đồng.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Tiết G về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lý Văn R và cụ Huỳnh Thị Hừng, phân chia cụ thể như sau:

Ông Lý Thanh S được quyền sử dụng, sở hữu:

Phần đất diện tích đo thực tế 67.939,13 m^2, thuộc thửa 778, tờ bản đồ số 11 (thửa mới 155, tờ bản đồ số 7), tọa lạc tại: Ấp NP (nay là ấp Ninh Hòa), xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Đông giáp đường đất gồm các đoạn: 53,74 m + 6,22 m + 13,73 m + 10,73 m + 9,34 m + 7,29 m + 70,41 m; giáp đất Phan Minh L 155,31 m + 52,7 m; giáp đất bà Lý Thị Kim X 97,19 m; giáp đất ông Thi Văn C 5,7 m + 3,94 m.

Tây giáp đất Nguyễn Văn T 54,01 m; giáp đất ông Nguyễn Văn T và Ung Văn H 39,83 m; giáp đất Ung Văn H và Nguyễn Văn V 36,41 m; giáp đất Nguyễn Văn V 47,43 m + 25,05 m; giáp đất Nguyễn Văn VNguyễn Văn G và Nguyễn Văn L 14,68 m; giáp đất Nguyễn Văn , Nguyễn Thành T, Nguyễn Trung H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh N 49,42 m; giáp đất Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị M, Lý Thanh S 34,4 m; giáp đất Lý Thanh S và đường đất 31,49 m.

Nam giáp đất Nguyễn Thị Ph 104,3 m; giáp đất Lý Thành M 68,83 m.

Bắc giáp đất Huỳnh Phương Kh 156,5 m.

Giá trị 7.541.243.430 đồng.

Trong đó ông S được chia 01 kỷ phần trị giá 754.124.343 đồng, thanh toán công sức đóng góp cho ông S và vợ là bà Đặng Thị Thu T2 01 kỷ phần trị giá 754.124.343 đồng (trong đó bà T2 được trích công sức là 377.062.171 đồng).

Ông Lý Thanh S có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất được hưởng cho ông Lý Tiết G, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Kim X, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, anh Bùi Hữu P mỗi người 754.124.343 đồng.

Riêng kỷ phần của ông Lý Văn N3 là 754.124.343 đồng được chia ra 07 phần, gồm: Bà T, chị K, chị K4, chị K1, chị K3, anh K2 và chị H, mỗi người 107.732.047 đồng. Ghi nhận bà T, chị Kh, chị K4, chị K1, chị K3, anh K2 nhường cho ông S số tiền 646.392.294 đồng, như vậy ông S có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất cho chị H 107.732.047 đồng.

Kỷ phần của ông Lý Văn N2 754.124.343 đồng các con ông N2 nhường cho ông S.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lý Tiết G về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01281QSDĐ/486/QĐ – UB(H) ngày 03-8-1999, do Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu cấp cho ông Lý Thanh S.

Ghi nhận Ông G và các đồng thừa kế khác không yêu cầu giải quyết phần đất ngang 25m x dài 30m, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại: Khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- *Yêu cầu kháng cáo của các đương sự:*

+ Ngày 20 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn Lý Tiết G kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, chia đều di sản thừa kế bằng hiện vật cho 09 người con của Cụ R, cụ H1.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P kháng cáo yêu cầu giống như nguyên đơn Lý Tiết G, không chấp nhận tính công sức đóng góp cho vợ chồng ông Lý Thanh S.

+ Ngày 21 tháng 10 năm 2020, bị đơn Lý Thanh S kháng cáo, không chấp nhận chia thừa kế vì không còn là di sản, yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng đất.

Sau khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm, ông Lý Thanh S nộp cho Tòa án Bản tường trình, nội dung: Trong 67.039,13 m^2 đất đang tranh chấp có 7.039,13 m^2 là do ông S mua của ông Lý Văn N2 vào năm 1990, đất của cha mẹ chỉ có 60.000 m^2; yêu cầu giám định lại chữ ký của ông Lý Tiết G vì kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Tây Ninh và Phân viện Khoa

học hình sự, Bộ Công an về chữ ký của ông G là không khách quan và không đảm bảo tính chính xác, trung thực.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Lý Thanh S không yêu cầu giám định lại do không có tài liệu, chứng cứ gì mới để làm mẫu so sánh giám định, các yêu cầu kháng cáo khác thì giữ nguyên và trình bày như sau: Nếu các anh chị có thiện chí hòa giải với nhau để giữ tình nghĩa gia đình thì ông chấp nhận chia cho mỗi người giá trị của 06 công đất. Nếu không chấp nhận hòa giải thì ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, không chia thừa kế như bản án sơ thẩm vì không còn là di sản của cha mẹ mà đã là tài sản riêng của ông.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông S và bà Đặng Thị Thu T2 là chị Nguyễn Thị Kiều A thống nhất ý kiến ông S.

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Thanh S đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia thừa kế vì đất đang tranh chấp là tài sản của ông S, không phải là di sản; tại thời điểm Cụ R và cụ H1 chết, đất chưa được kê khai đăng ký, theo hướng dẫn tại tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì không được xác định là di sản; ông S kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đúng theo quy định của Luật Đất đai và Bộ luật Dân sự.

+ Ông Lý Tiết G, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P, yêu cầu chia bằng hiện vật, không chấp nhận hòa giải nhận bằng tiền như ông S trình bày.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Tiết G, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X là anh Phạm Văn T trình bày: Giấy tay thỏa thuận không phải là văn bản phân chia thừa kế, Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S khi không có sự đồng ý của các đồng thừa kế của Cụ R và cụ H1 là không đúng quy định pháp luật, đất có diện tích lớn, chia được bằng hiện vật, Ông G, ông M, bà A, bà S1, bà X sẽ tự mở lối đi. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ông G, ông M, bà A, bà S1, bà X.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ theo Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đất tranh chấp không còn là di sản mà đã trở thành tài sản của ông S. Mặt khác, các đồng thừa kế đã ký văn bản thống nhất giao cho ông S sở hữu vì ông S thờ cúng ông bà,

cha mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng trong 02 tài liệu ông S cung cấp có chữ ký của các anh chị em khác nhưng chữ ký của ông G không đủ cơ sở giám định, xem như là không đủ chữ ký của các đồng thừa kế nên vẫn còn là di sản và chia thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ. Ông S kháng cáo không chấp nhận chia thừa kế là có căn cứ. Ông Lý Tiết G, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P kháng cáo yêu cầu chia bằng hiện vật là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của họ, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông S, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Những đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Lý Thanh S, thấy rằng:

- Về việc xác định di sản thừa kế:

Theo kết quả đo đạc và lồng ghép bản đồ địa chính thì đất tranh chấp là thửa 778, tờ bản đồ số 11 (bản đồ 299), có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01281 QSDĐ/468/QD9-UB(H) ngày 03-8-1999, ông Lý Thanh S đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 61.505 m^2, tương ứng với bản đồ số 7, chỉnh lý năm 2000 là thửa 155, diện tích 67.039,13 m^2. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, ông S và người đại diện theo ủy quyền của ông S thống nhất kết quả đo đạc định giá, không thắc mắc khiếu nại gì cũng không đề cập đến việc trong đất tranh chấp có 7.039,13 m^2 là của ông S mua của ông Lý Văn N2, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các con ông N2 cũng không đề cập đến vấn đề này. Mặt khác trong hồ sơ đăng ký đất ông S khai *"nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại"*. Đến giai đoạn xét xử phúc thẩm ông S nại ra trong đất tranh chấp có 7.039,13 m^2 mua của ông N2 là không có căn cứ.

- Về việc phân chia di sản thừa kế:

Khi còn sống cụ R và cụ H1 đã phân chia đất cho các con, ai cũng có phần, riêng bà Lý Thị Phù D chết trước hai cụ, người con duy nhất của bà D là anh Bùi Hữu P không được chia nhưng không thắc mắc khiếu nại gì, sau khi hai cụ chết cũng không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế.

Tài sản chưa chia là đất ở và đất cao su, các đương sự không tranh chấp phần đất ở.

Riêng phần đất cao su đang tranh chấp thì các đương sự thống nhất là của vợ chồng cụ Lý Văn R, cụ Huỳnh Thị H1để lại nhưng tại thời điểm cụ R và cụ H1 chết, đất chưa kê khai đăng ký, cụ R chết vào năm 1980, cụ H1 chết vào năm 1986, từ đó đến năm 1997 những người thừa kế của hai cụ cũng không kê khai đăng ký.

Ông S kê khai đăng ký đất có sự thống nhất của những người thừa kế của cụ R và cụ H1 lúc bấy giờ, gồm: Ông Lý Văn N3, ông Lý Văn N2, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X và người thừa kế thế vị của bà Lý Thị Phù D là anh Bùi Hữu P, thể hiện trong *"Tờ ủy quyền thừa kế ruộng đất phụ ấm cho Út Sơn làm chủ chính thức",* ghi ngày 12-3-1997*, do ông Lý Văn N3 lập, nội dung họp gia đình đồng ý ký tên thừa kế 1,8 ha đất ruộng và 06 ha rẫy tọa lạc tại….. cho em út Lý Thanh S, sinh năm….., ngụ tại…….kể từ ngày này được làm chủ chính thức canh tác để hưởng và giỗ cha mẹ sau này; đoạn sau ghi "- Và ngày này họp chia số tiền khai thác cao su 180.000.000 đồng, chia thành 10 gia đình, 01 gia đình 18.000.000 đồng, nhận đủ. Anh em chúng tôi nhận tiền và đồng ý thừa kế (ruộng đất) cho Út Sơn làm chủ trên sổ địa chính và sản xuất chính thức, anh em kể từ nay không còn khiếu nại hay tranh chấp số ruộng đất nói trên nữa*". Từ giấy này ông S đánh máy thành *"Đơn thừa kế sử dụng ruộng đất rẫy"* ghi cùng ngày 12-3-1997, nội dung gửi Phòng Công chứng Số 1, tỉnh Tây Ninh; nhờ Ban Địa chính cứu xét để cấp sổ đỏ, anh chị đồng ý ký tên trước mặt Phòng Công chứng để thừa kế lại cho em Lý Thanh S 1,8 ha đất ruộng, 06 ha đất rẫy, có các chữ ký mang tên: Lý Văn N2, Lý Văn N3, Lý Thị Ngọc S1, Lý Thị Kim A, Lý Tiết G, Lý Thành M, Lý Thị Kim X; có xác nhận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ninh Thạnh, huyện Hòa Thành.

Ngoài chữ ký ông G là không đủ cơ sở giám định, anh Phước thừa nhận đúng chữ ký của mình thì chữ ký của bà S1, bà A, ông M, bà X đã có kết luận giám định đúng là do họ ký ra.

Từ đó có căn cứ xác định ông S được các đồng thừa kế giao cho sở hữu đất cao su và thờ cúng, thực tế từ trước đến nay ông S là người thờ cúng, đất đã là tài sản riêng của ông S, không còn là di sản.

Riêng về phần của ông G, do chưa đủ căn cứ xác định chữ ký mang tên Lý Tiết G trong 02 văn bản nêu trên có phải là của ông G hay không, ông G cương quyết là mình không ký thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông S nhưng trong suốt quá trình xét xử sơ thẩm ông S không yêu cầu giám định tiếp theo và thống nhất với kết quả giám định. Đến giai đoạn xét xử phúc thẩm ông S yêu cầu giám định lại với lý do kết luận giám định không khách quan và không đảm bảo tính chính xác, trung thực nhưng ông S không có chứng cứ chứng minh, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để làm mẫu so sánh giám định lại và tại phiên tòa phúc thẩm ông S đã rút lại yêu cầu này. Vì vậy không có căn cứ xác định ông G đã ký tên cho ông S được hưởng thừa kế phần ông G được hưởng của cha mẹ.

Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông S cho rằng đất không còn là di sản theo hướng dẫn tại tiểu mục 1.1 mục 1 phần II của Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 nhưng trên đất có cây lâu năm thuộc đối tượng điều chỉnh theo hướng dẫn tại tiểu mục 1.3 mục 1 phần II của Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP, xác định là di sản. Mặt khác, bản thân ông S đã thừa nhận là tài sản của cha mẹ để lại nhưng các đồng thừa kế đã ký giấy thỏa thuận giao cho ông S sở hữu. Riêng chữ ký của ông G không chứng minh được nên phải

chia cho Ông G, Luật sư đề nghị không chấp nhận chia thừa kế cho tất cả các đồng thừa kế mà không loại trừ Ông G là không đúng.

Cụ R và cụ H1 không có di chúc. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia phần thừa kế của ông G được hưởng theo quy định tại Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự nhưng lại cho rằng do thiếu chữ ký ông G nên các văn bản thỏa thuận không có giá trị pháp lý và chia cho tất cả những người thừa kế của cụ R và cụ H1 là không có căn cứ.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức đóng góp cho ông S và vợ ông S là bà Đặng Thị Thu T2 bằng một suất thừa kế là có căn cứ, đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 618 của Bộ luật Dân sự, bởi vì ông S là người kê khai đăng ký, nộp thuế đất và gìn giữ đất từ năm 1997 đến nay.

Cao su trên đất là do ông S trồng, chăm sóc và thu hoạch từ năm 1997 đến nay không ai tranh chấp. Ông G, ông M, bà A, bà S1, bà X, anh Phước khai là có hùn mỗi người 2.000.000 đồng để trồng cao su mới sau khi thanh lý cao su của cha mẹ nhưng không có chứng cứ chứng minh, ông S không thừa nhận, trong giấy thỏa thuận ghi rõ ràng là *"mỗi người được chia 18.000.000 đồng tiền thanh lý cây cao su, đã nhận đủ"*, không có nội dung nào đề cập đến việc chia mỗi người 20.000.000 đồng và mỗi người hùn lại 2.000.000 đồng cho ông S trồng cao su mới. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cao su trên đất của ông S là có căn cứ.

Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông S về việc không chia thừa kế cho ông G; có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông S về việc không chia thừa kế cho những người thừa kế khác.

[3] Xét kháng cáo của ông Lý Tiết G về việc yêu cầu chia bằng hiện vật, thấy rằng:

Phần thừa kế của ông G có giá trị 754.124.343 đồng tương đương 6.794 m^2 đất, trừ giá trị cây cao su của ông S trồng trên đất thì tương tương 6.325 m^2. Đất tranh chấp có chiều dài hướng Đông là đường gấp khúc có một đoạn giáp đường xe bò, đường này là lối đi duy nhất, nếu chia cho ông G thì ông S không có lối đi, ông G cho rằng ở hướng Tây ông S có một phần đất thông với đường nhựa, có thể dùng làm lối đi nhưng là đất ông S tự mua, thuộc đất mặt tiền, giá trị lớn, nếu buộc ông S dùng làm lối đi là không có căn cứ trừ khi ông S tự nguyện nhưng ông S không chấp nhận việc này.

Nếu chia theo chiều ngang thì dù chia ở hướng Nam hay hướng Bắc đều không đảm bảo lối đi cho cả hai bên. Mặt khác đất tranh chấp là loại đất trồng cây lâu năm, ông S trồng cao su từ năm 1997 và thu hoạch đến nay nên ông S được ưu tiên trong việc xem xét chia theo hiện vật.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông G về việc chia thừa kế bằng hiện vật.

[4] Ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X và anh Bùi Hữu đã ký văn bản thỏa thuận giao cho ông S hưởng di sản

nên không được chia, Tòa án cấp sơ thẩm chia là không đúng. Vì vậy kháng cáo yêu cầu chia bằng hiện vật là không có căn cứ.

[5] Đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa không có căn cứ đối với phần đề nghị không chia thừa kế cho ông Lý Tiết G, các đề nghị khác là có căn cứ.

[6] Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông S nên phải sửa bản án sơ thẩm và phải sửa phần chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Về chi phí giám định chữ ký 8.340.000 đồng, ông G đã nộp tạm ứng, người yêu cầu giám định là ông G, ông M, bà X, bà S1, bà A, trong đó:

+ Yêu cầu giám định của ông M, bà X, bà S1, bà A không có căn cứ nên những người này phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, mỗi người là 1.668.000 đồng, nộp trả Ông G.

+ Yêu cầu của ông G có căn cứ nên ông S phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, số tiền 1.668.000 đồng, nộp trả ông G.

- Về chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp, tổng cộng là 58.300.000 đồng, Ông G đã nộp tạm ứng, nghĩa vụ chịu như sau:

+ Ông G được chia thừa kế nên phải chịu tương ứng với phần trăm giá trị tài sản được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tổng giá trị di sản là 7.541.243.430 đồng, Ông G được chia 754.392.294 đồng, tương đương 10% nên phải chịu 10% của số tiền 58.300.000 đồng là 5.830.000 đồng.

+ Yêu cầu chia thừa kế của ông M, bà X, bà A, bà S1, anh Phước, chị H không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu theo khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tương ứng với phần yêu cầu của mình, cụ thể là: Ông M, bà X, bà A, bà S1, anh Phước mỗi người phải chịu 10.194.000 đồng, nộp trả ông G; chị H phải chịu 1.500.000 đồng nộp trả ông G.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông G được chia tài sản, lẽ ra phải chịu án phí tương ứng giá trị tài sản được chia nhưng là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Yêu cầu chia thừa kế của bà S1, bà A, ông M, bà X, anh Phước, chị H không được Tòa án chấp nhận nên mỗi người phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Riêng bà S1, bà A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

[7] Về chi phí đo đạc trong giai đoạn xét xử phúc thẩm:

- Ông S yêu cầu đo đạc lại đất tranh chấp, tách ra 7.039,13 m^2 vì ông cho rằng là của mình mua, không phải của cha mẹ để lại, đã nộp tạm ứng chi phí

22.000.000 đồng nhưng yêu cầu này không được Tòa án chấp nhận nên ông S phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà S1, bà A, ông G, ông M, Bà X yêu cầu đo vẽ lại đất tranh chấp để chia theo hiện vật, ông G đã nộp tạm ứng 35.000.000 đồng, yêu cầu này không được Tòa án chấp nhận nên ông G phải chịu 7.000.000 đồng, ghi nhận đã nộp. Bà S1, bà A, ông M, Bà X mỗi người phải chịu 7.000.000 đồng nộp trả cho ông G.

[8] Về án phí phúc thẩm:

- Do phải sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của ông S nên theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ông S không phải chịu.

- Yêu cầu kháng cáo của ông G, ông M, bà A, bà S1, bà X, anh Phước không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu, trong đó ông G, bà S1, bà A là người cao tuổi nên được miễn; ông M, bà X, anh Phước mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 khoản 2 Điều 157, khoản 1 khoản 2 Điều 161, khoản 1 khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 618, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Thanh S về việc không chia thừa kế cho ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P và những người thừa kế của ông Lý Văn N3, ông Lý Văn N2 trong đó có chị Lý Thị Ngọc H.

2. Không chấp nhận phần kháng cáo của ông Lý Thanh S về việc không chia thừa kế cho ông Lý Tiết G.

3. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Tiết G, ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P về việc chia thừa kế bằng hiện vật.

4. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Tiết G về việc chia thừa kế di sản của cụ Lý Văn R và cụ Huỳnh Thị H1đối với 67.939,13 m^2 đất, tọa lạc tại: Ấp Ninh Hòa, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 7, tương ứng thửa 778, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01281QSDĐ/468/QĐ-UB(H) ngày 03-8-1999, ông Lý Thanh S đứng tên, chia cụ thể như sau:

Ông Lý Thanh S được tiếp tục sử dụng 67.939,13 m^2 đất, tọa lạc tại: Ấp Ninh Hòa, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 7, tương ứng thửa 778 tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01281QSDĐ/468/QĐ-UB(H) ngày 03-8-1999, ông Lý Thanh S đứng tên và được sở hữu toàn bộ cây cao su của ông Lý Thanh S trồng trên đất (có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án).

Ông Lý Thanh S phải thanh toán cho ông Lý Tiết G 754.124.343 (bảy trăm năm mươi bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi ba) đồng giá trị di sản ông Lý Tiết G được chia.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P, chị Lý Thị Ngọc H về việc chia thừa kế đối với 67.939,13 m^2 đất nêu trên và cây cao su trên đất.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lý Tiết G về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01281QSDĐ/486/QĐ-UB(H) ngày 03-8-1999, do Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu cấp cho ông Lý Thanh S.

- Ghi nhận ông Lý Tiết G và các đồng thừa kế khác không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất ngang 25m x dài 30m, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại: Khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- Về chi phí giám định:

+ Ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, mỗi người phải chịu 1.668.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, nộp trả cho ông Lý Tiết G.

+ Ông Lý Thanh S phải chịu 1.668.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, nộp trả cho ông Lý Tiết G.

- Về chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp trong giai đoạn xét xử sơ thẩm:

+ Ông Lý Tiết G phải chịu 5.830.000 (năm triệu tám trăm ba chục nghìn) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

+ Ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P mỗi người phải chịu 10.194.000 (mười triệu một trăm chín mươi bốn nghìn) đồng, nộp trả cho ông Lý Tiết G.

+ Chị Lý Thị Ngọc H phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, nộp trả cho ông Lý Tiết G.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Lý Tiết G, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Ngọc A được miễn.

+ Hoàn trả cho ông Lý Tiết G 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0004514 ngày 03-10-2017 và 18.000.000 (mười tám triệu) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên

lai thu số: 0004515 ngày 03-10-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Lý Thành M, bà Lý Thị Kim X, anh Bùi Hữu P, chị Lý Thị Ngọc H mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Về chi phí đo đạc trong giai đoạn xét xử phúc thẩm:

- Ông Lý Thanh S phải chịu 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

- Ông Lý Tiết G phải chịu 7.000.000 (bảy triệu) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

- Ông Lý Thành M, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1, bà Lý Thị Kim X mỗi người phải chịu 7.000.000 (bảy triệu) đồng, nộp trả cho ông Lý Tiết G.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Lý Thanh S không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lý Thanh S 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005182 ngày 21-10-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Lý Tiết G, bà Lý Thị Ngọc A, bà Lý Thị Ngọc S1 được miễn.

- Ông Lý Thành M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005179 ngày 20-10-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Lý Thị Kim X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005177 ngày 20-10-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Bùi Hữu P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005178 ngày 20-10-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.TN;
- TAND huyện DMC;
- Chi cục THADS huyện DMC;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đồng